

Số: /BC-UBND

Tân Văn, ngày tháng năm 2022

## BÁO CÁO

### Kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2022 của xã Tân Văn, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn

#### I. Đặc điểm tình hình chung

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

##### \* Vị trí địa lý

Xã Tân Văn là một xã nằm ở phía Nam của huyện Bình Gia, cách trung tâm huyện 10km.

Phía Bắc giáp: TT Bình Gia, huyện Bình Gia;

Phía Đông giáp: Xã Hồng Thái huyện Bình Gia;

Phía Nam giáp: Xã Lương Năng, huyện Văn Quan;

Phía Tây giáp: Xã Bắc Sơn, xã Hưng Vũ huyện Bắc Sơn;

Tổng diện tích tự nhiên của xã Tân Văn 3.988,09 ha. Trong đó đất sản xuất nông nghiệp là 499,62 ha chiếm 12,53% (*Diện tích đất trồng lúa 210,51 ha chiếm 5,28%; diện tích đất trồng cây hàng năm khác 213,25 ha chiếm 5,35%*) đất lâm nghiệp 1.609,86 ha).

##### \* Cơ sở hạ tầng, dân cư

Trong những năm qua được sự quan tâm đầu tư của nhà nước cùng với sự nỗ lực của nhân dân, cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng khang trang (*trụ sở UBND xã, nhà văn hóa xã, nhà văn hóa các thôn, trạm y tế, trường học, đường giao thông, các công trình thủy lợi .v.v*), cơ bản được hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu, vật chất tinh thần của nhân dân góp phần tích cực trong việc vận động nhân dân các dân tộc trên địa bàn xã thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Toàn xã có 13 thôn với 1.074 hộ, dân số 4.096 người, có 4 dân tộc: Tày, Nùng, kinh, Dao cùng nhau chung sống, trong độ tuổi lao động 1923/2946 người chiếm 65,34%. Đời sống nhân dân chủ yếu là sản xuất nông lâm nghiệp chiếm 96,1%, số hộ phi nông nghiệp có 3,9%.

2. Thuận lợi

- Được sự quan tâm, lãnh đạo chỉ đạo của Huyện ủy, UBND và các phòng ban chuyên môn của huyện về công tác hướng dẫn, tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao.

- Được sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự đồng tình ủng hộ của nhân dân trên địa bàn xã chung tay xây dựng nông thôn mới.

- Có đường quốc lộ 1B đi qua trên địa bàn xã (10/13 thôn bản) đó là cơ sở để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn xã.

### 3. Khó khăn:

- Do trình độ, năng lực của nhiều cán bộ đảng viên chưa hiểu rõ về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nên việc lãnh đạo, chỉ đạo còn nhiều lúng túng.

- Do xuất phát điểm thấp về phát triển kinh tế, xã hội so với mặt bằng chung của huyện, của tỉnh; điều kiện của các hộ trên địa bàn xã còn gặp nhiều khó khăn, chưa mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất, chưa có điều kiện đóng góp về sức người và tiền của để chung tay xây dựng nông thôn mới.

## II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 933/QĐ-UBND, ngày 22/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1271/QĐ-UBND, ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Bộ tiêu chí Khu dân cư kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2019-2020; Công văn số 394/BNN-VPĐP, ngày 19/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp tục thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trong năm 2021;

## III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao

### 1. Công tác chỉ đạo, Điều hành

Để đảm bảo chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới nâng cao được tiến hành một cách đồng bộ, có hiệu quả. UBND xã Tân Văn đã luôn quan tâm tới công tác chỉ đạo, điều hành, định hướng triển khai, cụ thể xã đã thực hiện các công việc sau:

- Ngay từ đầu năm 2018 Ủy ban nhân dân xã kiện toàn lại Ban quản lý, phân công nhiệm vụ theo dõi, đánh giá các tiêu chí nông thôn mới nâng cao và phụ trách các thôn trên địa bàn xã. Ban hành kế hoạch thực hiện xây dựng NTM nâng cao năm 2018, kiện toàn lại các Ban phát triển thôn do một số đồng chí là trưởng thôn đã hết nhiệm kỳ và các chi hội đoàn thể thôn có sự thay đổi.

- Tổ chức rà soát các tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 933/QĐ-UBND, ngày 22/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

- Phổ biến các văn bản, quyết định, hướng dẫn đối với chương trình xây dựng Nông thôn mới nâng cao cho các thành viên ban chỉ đạo, ban quản lý, các cán bộ, công chức xã, Ban phát triển các thôn.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên, giải quyết các vấn đề trong phạm vi quyền hạn của UBND xã.

- Tuyên truyền vận động nhân dân đóng góp ngày công, đóng góp tiền của xây dựng nhà văn hóa thôn và hiến đất làm các công trình như làm đường giao thông, làm nương thủy lợi...

## **2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn**

### **a) Công tác truyền thông.**

Được sự, lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND và UBND xã. Ban quản lý xây dựng nông thôn mới nâng cao xã đã kết hợp cùng các ban ngành đoàn thể thường xuyên tuyên truyền tới nhân dân về Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao. Công tác tuyên truyền đã được đẩy mạnh, thông qua các buổi họp giao ban Quân dân chính cũng như thông qua các buổi họp thôn, ngoài ra các đoàn thể như Hội nông dân, Phụ nữ, Đoàn thanh niên..., lấy ý kiến về các công trình dự kiến xây dựng như công trình thủy lợi, đường giao thông, nhà văn hóa ... Qua đó nhân dân đã phần nào hiểu được các nội dung về xây dựng nông thôn mới nâng cao. Các tổ chức chính trị - xã hội đã tích cực vận động các thành viên, hội viên tham gia thực hiện chương trình. Ủy ban MTTQ xã chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; Hội Phụ nữ xã đã chỉ đạo triển khai nhiều mô hình thực hiện chương trình: “Tổ phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế”, “Phụ nữ chung sức xây dựng NTM nâng cao”. Công tác tuyên truyền vận động được coi trọng đã góp phần rất quan trọng giúp cán bộ và nhân dân có nhận thức đúng về Chương trình, thay đổi nếp nghĩ, khắc phục một bước tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, khơi dậy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong nhân dân, tạo động lực to lớn biến chương trình thành một phong trào ngày càng thiết thực.

### **b) Công tác đào tạo, tập huấn.**

- Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh, tiến hành tập huấn và hướng dẫn thực hiện tiêu chí Môi trường. Thành phần gồm: Toàn thể cán bộ và công chức xã; Bí thư chi bộ, trưởng thôn; các chi đoàn thanh niên, phụ nữ, nông dân các thôn, tổng số 135 người nghe.

- Cử cán bộ đi tập huấn triển khai tập huấn công tác xây dựng nông thôn mới nâng cao theo kế hoạch của huyện, của tỉnh. Trên cơ sở tiếp thu thông qua các buổi tập huấn, các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, của huyện về xây dựng Nông thôn mới nâng cao. UBND xã tổ chức các cuộc họp triển khai tới các cán bộ, công chức, đại diện ban lãnh đạo các thôn và nhân dân các nội dung liên quan tới xây dựng Nông thôn mới nâng cao.

### **3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân**

#### **a) Công tác phát triển sản xuất nông nghiệp**

- *Trồng trọt*: Tổng diện tích gieo trồng bình quân hàng năm đạt trên 700 ha; tổng lương thực cây có hạt đạt hàng năm đạt từ 2.600 đến 2.700 tấn.

- *Chăn nuôi, thú y*: Trong những năm qua Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và vận động nhân dân tăng cường đầu tư vào chăn nuôi gia súc, gia cầm bằng các nguồn vốn tự có, vốn vay ngân hàng chính sách của các hộ nghèo, hộ cận nghèo, tạo điều kiện cho các hộ gia đình và hội viên của các tổ chức chính trị - xã hội phát triển chăn nuôi bằng cách vay vốn thông qua các tổ chức hội đứng ra tín chấp, đồng thời tổ chức các lớp tập huấn cho nhân dân về công tác phòng chống các dịch bệnh sảy ra.

- *Lâm nghiệp*: Diện tích trồng rừng mới và trồng cây phân tán: từ năm 2018 đến hết nay đã trồng được trên 300 ha. Thường xuyên kết hợp với Hạt kiểm lâm huyện tổ chức tập huấn kỹ thuật trồng rừng và tuyên truyền cho nhân dân về việc phòng, chống cháy rừng. Diện tích trồng cây ăn quả đã được nhân dân đầu tư vào nhưng loại cây có giá trị cao như Thanh long, Cam, Quýt, Bưởi, Hổi, Mắc mật, trong đó số cây có diện tích và thu nhập cao như:

Thực hiện nguồn vốn hỗ trợ Phát triển sản xuất: Hàng năm đều triển khai nguồn vốn hỗ trợ PTSX chương trình 135 và nguồn vốn hỗ trợ PHSX từ nguồn vốn Chương trình xây dựng NTM tới các đối tượng được thu hưởng, đúng đối tượng và các trình tự thủ tục theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch và có hiệu quả.

#### **b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.**

- *Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp*: Toàn xã hiện có 06 cơ sở sản xuất gạch bê tông và kinh doanh vật liệu xây dựng bình quân mỗi năm sản xuất được khoảng trên 1.200.000 viên, có 04 cơ sở đóng đồ gỗ nhưng quy mô còn nhỏ chủ yếu là đóng đồ phục vụ cho các hộ gia đình trong địa bàn xã và 05 cơ sở sản xuất và lắp đặt khung, mái tôn và các dịch vụ cơ khí khác. Các cơ sở đã duy trì và phát triển ngày càng đi lên góp phần tạo công ăn, việc làm, thu nhập cao cho người lao động và đóng góp ngân sách cho địa phương.

- *Thương mại dịch vụ*: Cả xã hiện nay có 25 hộ gia đình hoạt động thương mại, dịch vụ có đăng ký kinh doanh, chủ yếu là kinh doanh vận tải, buôn bán hàng tạp hóa,

dịch vụ ăn uống, sửa chữa xe máy và máy nông cụ cùng một số ngành nghề buôn bán nhỏ....Tuy chưa có quy hoạch thống nhất. Song các hoạt động thương mại dịch vụ này đã góp phần đáng kể vào sự phát triển chung và đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

Việc tuyên truyền, vận động nhân dân từng bước thay đổi phương thức sản xuất, kinh doanh đã bước đầu được nhân dân hưởng ứng, năm 2018 đã thành lập được 01 Hợp tác xã Nông – Lâm với 12 xã viên, đại diện cho 12 hộ gia đình tham gia, tới nay tuy mới được thành lập nhưng bước đầu hoạt động có hiệu quả.

### **c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân**

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của cấp Ủy, Chính quyền cùng các ngành, đoàn thể, sự nỗ lực của nhân dân nên việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất có nhiều tiến bộ, do biết áp dụng KHKT vào sản xuất nhờ đó đời sống về vật chất từng bước được cải thiện, Đến nay toàn xã có 100% số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia, trên 90% số hộ được nghe đài tiếng nói việt nam, trên 95% hộ được xem ti vi, 90% người dân sử dụng điện thoại di động, có trên 95% hộ có xe máy, ô tô các loại có trên 50 chiếc. 90% hộ có sử dụng máy cày tay, gần 20 % hộ có máy xay xát điện phục vụ gia đình...Thu nhập bình quân trên địa bàn xã đến năm 2021 mức thu nhập bình quân trên địa bàn đạt 43,06 triệu đồng/người/năm.

### **4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới**

Tổng kinh phí đã thực hiện: 5,76 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương 3 tỷ đồng, chiếm 53,57%;
- Nhân dân đóng góp 2,76 đồng, 46,43 chiếm %.

### **5. Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản**

Không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới nâng cao.

## **IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao**

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định là 14/ 14 tiêu chí, đạt 100%, cụ thể:

### **1. Tiêu chí số 01 (về Đường giao thông)**

a) Yêu cầu của tiêu chí:

1.1. Hệ thống đường giao thông trên địa bàn xã được giao quản lý cụ thể, được duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp theo quy định.

1.2. Đường trục thôn, xóm:

- Tỷ lệ km được cứng hóa mặt đường đạt quy định của Bộ Giao thông vận tải.
- Có rãnh thoát nước hai bên đường hoặc đảm bảo thoát nước tốt vào mùa mưa, không ứ đọng.

- Có biển báo giao thông đầu các trục thôn (biển báo hạn chế tải trọng xe, biển chỉ dẫn...).

### 1.3. Đường ngõ, xóm:

- Có rãnh thoát nước mặt đường hoặc đảm bảo thoát nước tốt, không lầy lội vào mùa mưa.

- Tỷ lệ km được cứng hóa mặt đường (mặt đường tối thiểu 2,0m; trừ trường hợp bất khả kháng mặt đường rộng 1,0m).

#### b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Đường xã: Gồm 4 tuyến có tổng chiều dài 10,1 km đã bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ giao thông vận tải đạt 100%, đảm bảo thoát nước tốt, các tuyến đường trục xã trên địa bàn hàng năm được duy tu bảo dưỡng theo quy định.

- Đường trục thôn: Toàn xã có 4 tuyến với tổng chiều dài 1,57 km, chiều rộng nền đường từ 2,8-4 m, mặt đường từ 2-3m, đã bê tông xi măng được 1,57 km đạt 100%. Do điều kiện về địa hình cũng như sự eo hẹp về diện tích nên các tuyến đường hầu như không có rãnh thoát nước, nước được thoát tự nhiên chảy theo dọc đường hoặc sang hai bên đường, không có đoạn đường lầy lội vào mùa mưa bão. Đầu các tuyến đường dẫn vào thôn giao nối với đường xã có lắp đặt biển báo biển chỉ dẫn vào các thôn.

Các chỉ tiêu kỹ thuật của 4 tuyến đường cơ bản tối thiểu đạt được đối với đường cấp C (nền đường rộng 4m; mặt đường 2m), tuy nhiên do khó khăn về địa hình, cũng một số tuyến được xây dựng trước năm 2013 khi chưa có hướng dẫn về quy mô, cấp đường theo chỉ tiêu NTM, nên một số tuyến có bề rộng phần nền chưa đảm bảo tối thiểu 4m nhưng mặt đường đều đạt tối thiểu là 2m. Các tuyến đường đảm bảo phục vụ nhu cầu đi lại được thuận lợi hơn cho người dân trên địa bàn xã.

- Đường ngõ xóm: Tổng số chiều dài các tuyến đường làng, ngõ xóm là 54,478 km, trong đó đã cứng hóa được 46,876 km đạt 86,3%, số km đường đất là 7,527 km chiếm 13,7%.

- Các tuyến đường làng, ngõ xóm đều đảm bảo mặt đường sạch và không lầy lội vào mùa mưa, bề rộng mặt đường đạt từ 1,2-3m.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 01 về Đường giao thôn trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí. **(Đạt)**

## 2. Tiêu chí số 02 (về Nhà văn hóa, Khu thể thao)

### a) Yêu cầu của tiêu chí:

#### 2.1. Nhà văn hoá, khu thể thao xã.

- Nhà văn hóa, hội trường xã: Có các phòng chức năng theo quy định và phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ được tổ

chức theo quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL, ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.

- Khu thể thao: Được xây dựng theo quy định (*tối thiểu phải có sân bóng đá 07 người với diện tích từ 45m x 60m theo tiêu chuẩn, tuy nhiên vẫn phải có quy hoạch sân bóng đá 90m x 120m theo tiêu chuẩn*) và có một số dụng cụ thể dục, thể thao đảm bảo theo công trình thể dục thể thao và các môn thể thao của từng địa phương. Các hoạt động thể dục, thể thao phải đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL, ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.

- Có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi (*có thể xây dựng riêng hoặc bố trí kết hợp*). Có hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi đạt 30% thời gian hoạt động.

## 2.2. Nhà văn hóa và sân thể thao thôn:

- Nhà văn hóa thôn: Có đầy đủ trang thiết bị nhà văn hoá theo quy định. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ thu hút 30% trở lên/tổng số dân tham gia; hoạt động văn hóa vui chơi, giải trí phục vụ trẻ em đạt 30% thời gian hoạt động

- Có sân thể thao đơn giản (từ 200m<sup>2</sup> trở lên) và có các dụng cụ thể thao tối thiểu phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương; thu hút 15% trở lên/tổng số dân tham gia hoạt động thể dục thể thao.

### b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

#### \* Nhà Văn hóa, khu thể thao xã:

- Nhà Văn hóa xã xây dựng năm 2017, trên diện tích đất quy hoạch 1.538,6m<sup>2</sup>, với quy mô nhà 01 tầng, hội trường 150 chỗ ngồi với tổng diện tích nhà văn hóa là trên 200 m<sup>2</sup>; sân nhà văn hóa bê tông 1051,64m<sup>2</sup>, nhà vệ sinh 8m<sup>2</sup> công và tường rào bao xung quanh đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về mẫu tổ chức hoạt động và tiêu chí của Trung tâm văn hóa - Thể thao xã; Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30/5/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi bổ sung Điều 6 của Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn.

Năm 2019 tiếp tục được đầu tư xây dựng các phòng chức năng gồm:

+ Phòng đọc sách, báo - thư viện: Có tủ sách, có bàn đọc, ghế ngồi đảm bảo phục vụ nhân dân.

+ Phòng câu lạc bộ: Là nơi tổ chức sinh hoạt các loại hình câu lạc bộ, đội, nhóm tại xã; Hội trường có một số trang thiết bị cần thiết phục vụ sinh hoạt như: loa, micro, âm ly, bàn ghế...

+ Phòng Thông tin truyền thanh đặt tại phòng làm việc của công chức VHXH xã, nơi thực hiện chức năng phát thanh của xã, có bộ máy phát thanh đến các thôn.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ:

+ Tổ chức hội diễn văn nghệ quần chúng: 4 cuộc/năm như (Các ngày lễ kỷ niệm như: Ngày quốc tế phụ nữ 8/3, Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10, Ngày cao tuổi Việt Nam 01/10, thi văn nghệ quần chúng cấp huyện...)

+ Duy trì hoạt động thường xuyên các câu lạc bộ, đội văn nghệ.

+ Thu hút nhân dân hưởng thụ và tham gia các hoạt động, sáng tạo văn hóa 30% trở lên/tổng số dân.

- Khu thể thao xã: UBND xã sử dụng và cải tạo sân xí nghiệp 386 cũ để sử dụng làm sân vui chơi, giải trí và thể thao: Có sân bóng đá 07 người với diện tích từ 45m x 60m theo tiêu chuẩn, có quy hoạch sân đạt 90m x 120m. Có điểm vui chơi, giải trí và các dụng cụ thể dục, thể thao đơn giản cho người cao tuổi và trẻ em; có sân bóng chuyền da, bóng chuyền hơi, bóng đá... và một số dụng cụ khác phù hợp với phong trào thể dục, thể thao quần chúng ở địa phương.

Có một số dụng cụ, trang thiết bị tập luyện đảm bảo theo công trình thể dục, thể thao và các môn thể thao phù hợp với địa phương như: bóng đá, bóng chuyền da, bóng chuyền hơi, đẩy gậy, kéo co, cờ tướng...

Hoạt động thể dục thể thao:

+ Thi đấu thể thao: Hàng năm tổ chức giải bóng đá, bóng chuyền hơi và các môn thể thao khác vào các ngày lễ lớn và hoạt động thường xuyên. Các hoạt động thể dục, thể thao; văn hóa văn nghệ tại ngày hội lồng tồng của xã như kéo co, đẩy gậy, bắn nỏ, bịt mắt đánh trống, tung còn... được tổ chức vào dịp mừng Đảng mừng xuân hàng năm.

+ Thu hút nhân dân tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên trên 30 cuộc/năm đạt trên 40% tổng số dân; các hoạt động diễn ra sôi nổi thu hút khoảng trên 2.000 lượt người đến xem và cổ vũ.

- Điểm vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi: Xã đã bố trí tổ chức các hoạt động tại khu thể thao chung của xã tại sân xí nghiệp 386 cũ và Sân nhà văn hóa xã để sử dụng làm sân vui chơi, giải trí và thể thao, thu hút trẻ em và người cao tuổi trên địa bàn xã tham gia hoạt động đạt 30% trở lên thời gian hoạt động.

**\* Nhà văn hóa và Sân thể thao thôn:**

- **Nhà Văn hóa thôn:** Có 13/13 thôn có Nhà văn hóa và đầy đủ trang thiết bị văn hóa theo quy định như:

+ Bộ trang âm (tivi, ampli, micro, loa)

+ Bộ trang trí, khánh tiết: cờ Tổ quốc, cờ Đảng, tượng Bác Hồ, phong màn sân khấu nhỏ, băng khẩu hiệu, cờ trang trí...

+ Bàn, ghế phục vụ sinh hoạt

+ Bảng tin, nội quy hoạt động

+ Một số nhạc cụ phổ thông, truyền thống phù hợp với địa phương như: Đàn tính, Sáo trúc...

+ Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ thu hút 30% trở lên/tổng số dân tham gia; hoạt động văn hóa vui chơi, giải trí phục vụ trẻ em đạt 30% thời gian hoạt động.

- **Sân thể thao thôn:** Trên địa bàn xã có 13/13 thôn có sân thể thao với diện tích 200m<sup>2</sup> trở lên. Trong đó có 04 thôn không có diện tích đất phải tận dụng với thôn khác và tận dụng sân phân trường học như:

- Thôn Còn Nưa tận dụng sân Nhà Văn hóa thôn Còn Tầu,

- Thôn Trà Lầu tận dụng sân phân trường Tiểu học Trà Lầu,

- Thôn Bản Đáp tận dụng sân phân trường Mầm Non.

- Thôn Nà Vược tận dụng sân Nhà văn hóa xã.

(Ngoài ra Thôn Còn Nưa và Trà Lầu, sau khi dự án xây dựng đường lên Hang Thảm Hai, Thảm Khuyên xong, 02 thôn sẽ tận dụng làm sân thể thao tại khu sân trước cửa hang).

- 13/13 thôn có dụng cụ thể dục, thể thao phổ thông, dụng cụ thể thao truyền thống và có dụng cụ tập thể dục thể thao đơn giản cho người Cao tuổi và trẻ em phù hợp với phong trào của địa phương như: bóng đá, bóng chuyền hơi, đánh cờ, đẩy gậy, kéo co, bắn nỏ...

- Thu hút người dân tham gia hoạt động thể dục thể thao thường xuyên đạt 30% trở lên/tổng số dân.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 02 về Nhà Văn hóa, Khu thể thao trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí. **(Đạt)**

### **3. Tiêu chí số 03 (về Thủy lợi)**

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp sau khi chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp được tưới tiêu chủ động bởi công trình thủy lợi  $\geq 90\%$ .

- Có mô hình áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trong sản xuất phát triển các loại cây trồng có giá trị cao phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới  $\geq 01$  mô hình.

- Các đơn vị sử dụng nước (UBND cấp xã, HTX, THT,...) xây dựng kế hoạch tổ chức quản lý, khai thác, vận hành công trình thủy lợi, có kế hoạch phân phối, điều tiết nước đảm bảo cấp nước tiết kiệm, kịp thời và hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã có 12 công trình phai, đập và trên 15 km nương do xã quản lý cơ bản đã đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh theo thiết kế phục vụ 112,6/119ha đạt 94,62% diện tích đất sản xuất nông nghiệp sau khi chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp được tưới tiêu chủ động bởi công trình thủy lợi.

Xã xây dựng được 02 mô hình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, gồm:

(1). Mô hình tưới cây Nho

+ Địa điểm: Thôn Còn Tầu, xã Tân Văn, huyện Bình Gia

+ Tổng mức đầu tư 40.550.000 đồng (*Trong đó: Nhà nước hỗ trợ 26.550.000 đồng; nhân dân đóng góp 14.000.000 đồng*). Theo Quyết định số 3042/QĐ-UBND, ngày 06/11/2020 của UBND huyện Bình Gia về việc phê duyệt Phương án, dự toán thực hiện một số hạng mục xây dựng nông thôn mới nâng cao tại xã Tân Văn, huyện Bình Gia năm 2020.

+ Hình thức tưới: Nhỏ giọt (*nguồn nước giếng khoan + nước mạch lộ tự chảy, bảo đảm cấp nước theo nhu cầu của cây trồng*).

+ Diện tích tưới: 0,072 ha

+ Loại cây trồng: Nho

(2). Mô hình tưới cây Bưởi

+ Địa điểm: Thôn Nà Vược, xã Tân Văn, huyện Bình Gia

+ Tổng mức đầu tư 27.643.080 đồng (*Trong đó: Nhà nước hỗ trợ 17.643.080 đồng; nhân dân đóng góp 10.000.000 đồng*). Theo Quyết định số 1838/QĐ-UBND, ngày 16/8/2019 của UBND huyện Bình Gia về việc phê duyệt Phương án, dự toán thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao tại xã Tân Văn, huyện Bình Gia năm 2019.

+ Hình thức tưới: Nhỏ giọt (*nguồn nước giếng khoan + nước mạch lộ tự chảy, bảo đảm cấp nước theo nhu cầu của cây trồng*).

+ Diện tích tưới: 0,072 ha

+ Loại cây trồng: Bưởi

- UBND xã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 83/KH-UBND, ngày 18/02/2022 của Ủy ban nhân dân xã Tân Văn về tổ chức quản lý, khai thác các công trình kênh nương thủy lợi; Kế hoạch số 82/KH-UBND, ngày 18/02/2022 của Ủy ban nhân dân xã Tân Văn về phân phối, điều tiết nước tiết kiệm kịp thời và hiệu quả của các công trình thủy lợi trên địa bàn xã Tân Văn; Phương án số 81/PA-UBND, ngày

17/02/2022 của UBND xã về ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro xã Tân Văn năm 2022; Kế hoạch số 80/KH-UBND, ngày 17/02/2022 của Ủy ban nhân dân xã Tân Văn về phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn xã Tân Văn năm 2022.; Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 17/02/2021 của UBND xã Tân Văn về việc kiện toàn Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã; Thông báo số: 79/TB-UBND ngày 17/02/2021 của UBND xã Tân Văn về việc thông báo phân công giao nhiệm vụ cho các thành viên BCH phòng, chống thiên tai và TKCN.; Quyết định số 217/QĐ-UBND, ngày 29/5/2021 của UBND xã về việc thành lập đội xung kích phòng, chống thiên tai.

Trên địa bàn xã cơ bản không có các điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai như lũ quét và sạt lở bờ sông bờ suối do chỉ có ít các con suối nhỏ chảy qua nên chỉ thường bị ảnh hưởng của dạng thiên tai như Đông, lũ quét gây tốc mái, ngập úng tại một số các lân lũng khu vực núi đá và Rét đâm và rét hại gây ảnh hưởng chủ yếu tới cây trồng và vật nuôi.

Hiện xã đã có mạng internet, eoffice, 04 máy điện thoại bàn và đa số đã có điện thoại di động để liên lạc và 01 loa cầm tay và 13/13 thôn có hệ thống loa của thôn để thông báo. Trên địa bàn xã cơ bản không có điểm có nguy cơ cao vì các tuyến đường xã, đường trục thôn đều đã xây dựng được các cây cầu bằng bê tông cốt sắt, không có các điểm hay bị sạt lở lớn. Hồ sơ xử lý các vụ việc liên quan về công trình phòng, chống thiên tai. Hiện không có do không có công trình nào.

Đối chiếu với các yêu cầu của Tiêu chí 3 về Thủy lợi theo Hướng dẫn số 05/HD-SNN ngày 30/3/2017 của Sở Nông Nghiệp và PTNT về thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới thuộc lĩnh vực ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2016 - 2020. **Đánh giá: Đạt**

#### **4. Tiêu chí số 04 (về Hệ thống điện)**

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.1. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện, có sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện đạt 100%.

4.2. Đường giao thông đi qua khu dân cư tập trung có điện chiếu sáng  $\geq 50$ .

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

**Chỉ tiêu 4.1.** Hiện tại trên địa bàn toàn xã đã có 13/13 thôn được sử dụng nguồn điện lưới Quốc gia từ nhiều năm qua và để cho hạt động của hệ thống điện được đảm bảo theo quy định của ngành.

\* Trong năm 2017 ngành điện đã hoàn thành nâng cấp hệ thống điện còn chưa đảm bảo tại 6 thôn Nà Dài, Bản Năng, Suối Cáp, Bản Đáp, Bản Dao, Nà Quân do vẫn còn có phần lớn cột bằng gỗ, đến nay toàn bộ hệ thống đã được đầu tư gồm:

- 06 trạm biến áp với tổng công suất: 890 KVA;

- Hệ thống đường giầy trung thế trực: 10,16 km;
- Hệ thống đường giầy trung thế rẽ nhánh: 1,8 km;
- Đường giầy 0,4KV: 27,22km

\* Trong năm 2020 tiếp tục triển khai xây dựng đường điện vào thôn Lân Khinh và nâng cấp hệ thống điện gồm:

- Xây dựng đường điện vào thôn Lân Khinh (Nay là thôn Nà Vược)
- + 01 trạm biến áp 75 Kva tại thôn Lân Khinh;
- + Hệ thống đường giầy trung thế rẽ nhánh: 2,05km;
- + Đường giầy 0,4KV: 2,066 km

Hiện nay hệ thống điện đã hoàn thành đưa vào sử dụng, tuy nhiên chưa bàn giao nên chưa có số liệu cụ thể

- Bổ sung 01 trạm biến áp tại thôn Còn Tả

**\* Kết quả: Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn 1074/1074 (Đạt 100%)**

\* Việc sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện phổ biến gồm:

- Hiện nay các hộ sử dụng điện thấp sáng tại gia đình và hệ thống điện thấp sáng tại các khu dân cư đều sử dụng các loại bóng Led

- Đa đa số các loại ti vi đang được sử dụng hiện nay là Tivi LED Đây là dòng tivi với màn hình phẳng sử dụng đèn LED chiếu sáng thay thế cho đèn huỳnh quang, với ưu điểm là màn hình hiển thị rõ ràng, tuổi thọ cao và tiết kiệm điện năng.

- Bình nước nóng năng lượng mặt trời hiện nay cũng đã được các hộ sử dụng rộng rãi nhằm tiết kiệm điện.

- Ngoài ra tại các hộ có điều kiện về kinh tế đã sử dụng các loại thiết bị như Tủ lạnh, Điều hòa có sử dụng công nghệ tiết kiệm điện Inverter.

**Chỉ tiêu 4.2.** Trên địa bàn xã hiện nay có 13 thôn, trong đó có 12 thôn đã xây dựng được hệ thống điện chiếu sáng **tại 22/25 khu dân cư tập trung = 88%**. Tổng chiều dài đường dây điện là 26 km, số bóng điện là 533 bóng có công suất từ 30W đến 40W. Số hộ được thụ hưởng điện chiếu sáng là  $861/1074 = 80,2\%$ . Hiện còn lại 01 thôn Nà Dài chưa có hệ thống điện chiếu sáng do các hộ dân sinh sống không tập trung, thôn Bản Nâng còn 01 khu dân cư tập trung chưa thực hiện do nhân dân không đồng thuận việc chi trả tiền điện.

- Các hệ thống điện chiếu sáng được xây dựng từ các năm 2018; 2019; 2020 từ các nguồn vốn xây dựng Khu dân cư kiểu mẫu, nguồn vốn xây dựng xã NTM nâng cao. Các hệ thống điện thấp sáng được đảm bảo hoạt động và duy trì thường xuyên bằng tiền điện do nhân dân đóng góp để trả tiền điện hàng tháng và duy tu sửa chữa thường xuyên

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 04 về Hệ thống điện trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí. **(Đạt)**

### **5. Tiêu chí số 05 (về Trường học)**

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

#### **\* *Thực trạng cơ sở vật chất trường Mầm non.***

Trường mầm non có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia khi đảm bảo Tiêu chuẩn về Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học được quy định:

- Nhà trường có trường chính và 01 điểm trường Nà Pái. Diện tích 4.653,4m<sup>2</sup>, đảm bảo đạt yêu cầu theo quy định (12 m<sup>2</sup>/ trẻ) nhà trường hiện tại đạt 15,1 m<sup>2</sup>/ trẻ;

- Các khối và hạng mục công trình của trường.

Hiện tại trường có 12 phòng học, 01 phòng chức năng; phòng hành chính quản trị gồm: 01 phòng hội đồng, 01 phòng hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng y tế, 01 phòng hành chính quản trị, 01 phòng bảo vệ, 01 phòng nhân viên, 01 nhà kho. Các phòng học học, phòng hiệu bộ, chức năng đảm bảo tiêu chuẩn quy định.

- Thiết bị dạy học:

Trường được trang bị tương đối đủ thiết bị dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tuy nhiên còn 04 nhóm lớp ( 02 nhóm trẻ và 02 lớp mẫu giáo 3 tuổi) còn thiếu một số danh mục theo quy định. Nhà trường đã tổng hợp đề nghị cấp trên cấp bổ sung. *(Kèm theo Tài liệu minh chứng số danh mục tài sản, thiết bị nhà trường)*

Căn cứ vào điều 19 Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

#### **\* *Thực trạng cơ sở vật chất trường Tiểu học.***

- Có trường chính và 01 điểm trường. Diện tích Trường chính 4299,3 m<sup>2</sup>, đảm bảo đạt chuẩn;

- Các khối và hạng mục công trình của trường.

#### **\* *Trường chính:***

- Khu nhà lớp học: Gồm 01 nhà kiên cố 2 tầng 08 phòng; 01 nhà bán kiên cố 02 phòng học.

- Khu phục vụ học tập, thư viện: 01 phòng giáo dục nghệ thuật; 01 phòng Tiếng Anh; 01 phòng thư viện.

- Phòng hiệu trưởng: 01

- Phòng phó hiệu trưởng: 01

- Phòng hành chính: 01; Phòng Y tế: 01; Phòng Đội: 01; Phòng truyền thông: 01; Phòng khác: 02.

- Phòng chờ giáo viên: 01; Phòng bảo vệ: 10.

- Bếp ăn: 01 (theo quy trình một chiều). Phòng ngủ học sinh bán trú: 02

- Khu vệ sinh: 01 khu dùng chung cho CB, GV, NV và học sinh có phân khu nam, nữ riêng

*\* Điểm trường Trà Lầu*

- Khu nhà lớp học: Gồm 01 nhà kiên cố 2 tầng 06 phòng;

- Khu phục vụ học tập, thư viện: 01 phòng giáo dục nghệ thuật; 01 phòng thư viện.

- Phòng chờ giáo viên: 02; Phòng bảo vệ: 01.

- Bếp ăn: 01; Phòng ngủ: 01.

- Khu vệ sinh: 01 khu dùng chung cho CB, GV, NV và học sinh có phân khu nam, nữ riêng. đạt chuẩn quốc gia

*\* Thực trạng cơ sở vật chất trường Trung học cơ sở.*

Trường Trung học cơ sở xã Tân Văn tuy đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 nhưng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đã được đầu tư từ nhiều năm nên một số phòng học nhỏ hẹp không đạt kích thước tối thiểu theo tiêu chuẩn hiện hành, thiếu phòng học đa chức năng, một số thiết bị dạy học hư hỏng theo thời gian sử dụng. Cụ thể như sau:

- Diện tích khuôn viên 4.423 m<sup>2</sup> hiện tại đạt 20.3 m<sup>2</sup>/học sinh ( theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/05/2020 của Bộ GD&ĐT về tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu 10 m<sup>2</sup>/học sinh )

- Các phòng học 8 phòng/8 lớp đã được xây kiên cố nhưng diện tích hẹp chỉ 40m<sup>2</sup>/phòng, không đủ diện tích để đạt tiêu chuẩn tối thiểu. Các phòng học bộ môn, khối phục vụ học tập... tuy đủ về số lượng nhưng không đủ diện tích để đạt tiêu chuẩn tối thiểu.

- Khối phòng hành chính, quản trị có đủ, đúng tiêu chuẩn hiện hành.

- Khối các công trình phụ trợ khác tương đối đảm bảo theo yêu cầu.

- Trang thiết bị dạy học mỗi khối lớp 01 bộ tuy nhiên trong đó có một số xuống cấp, không đảm bảo chất lượng sử dụng. Các phòng học bộ môn không đủ diện tích và trang bị tối thiểu để đạt tiêu yêu cầu theo Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/05/2020 của Bộ GD&ĐT.

Căn cứ vào Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS và THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Trường THCS xã Tân Văn đạt Kiểm định chất lượng giáo dục đạt cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 05 về Trường học trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí. **(Đạt)**

## **6. Tiêu chí số 06 (về Truyền thông)**

a) Yêu cầu của tiêu chí:

6.1. Đài truyền thanh xã:

- Đài truyền thanh xã và hệ thống loa truyền thanh tại các thôn hoạt động hiệu quả, ổn định, đảm bảo thời gian hoạt động tối thiểu 2h/ngày, trong đó có thời lượng dành cho phát sóng các nội dung thông tin, tuyên truyền từ chính quyền cấp xã.

- Đảm bảo 75% hộ dân nghe được thông tin từ hệ thống loa hoạt động.

6.2. Xã có Trang thông tin điện tử của xã hoặc Trang thông tin điện tử thành phần trên cổng/trang thông tin điện tử của huyện cung cấp tối thiểu các thông tin:

- Tổ chức bộ máy hành chính, thông tin liên hệ của cán bộ, công chức.

- Thông tin tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật.

- Tin tức hoạt động của xã.

- Thông tin địa giới hành chính, điều kiện tự nhiên, văn hóa, di tích, danh thắng, quảng bá tiềm năng, thế mạnh của xã.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

\* Đài truyền thanh của xã

- Mặt bằng, trang thiết bị: Có 01 đài truyền thanh xã nằm tại vị trí trong khuôn viên UBND xã. Có mặt bằng, có cột phát sóng thiết bị phù hợp với yêu cầu cung ứng và phát sóng trên địa bàn xã. Đài truyền thanh thực hiện tiếp sóng của Đài Tiếng nói Việt Nam, Truyền thanh, Đài Trung tâm Văn hóa, thể thao huyện và Truyền thông xã tự sản xuất các chương trình tin bài địa phương.

- Thời gian phát sóng: Sáng từ 5 giờ 30 đến 7 giờ, chiều 17h đến 19h.

- 11/13 thôn có hệ thống loa truyền thanh với 11 cụm thu, loa hoạt động hiệu quả ổn định, thời gian hoạt động tối thiểu 02 giờ/ngày đảm bảo trên 75% các hộ dân được

nghe thông tin từ hệ thống loa. Các nội dung tuyên truyền về chủ trương chính sách pháp luật nhà nước, các tin tức của xã.

\* Xã có trang thông tin điện tử; [xatanvan.binhgia.langson.gov.vn](http://xatanvan.binhgia.langson.gov.vn); hàng tuần, tháng huyện cung cấp các thông tin để phát sóng trên hệ thống loa truyền thanh của xã.

- UBND xã phân công Công chức Văn hóa - Xã hội, phụ trách đài truyền thanh xã.

- Trang thông tin điện tử thông tin về bộ máy hành chính cấp xã và có số điện thoại liên lạc của cán bộ, công chức xã, niêm yết và thông tin trên hệ thống đài truyền thanh xã để nhân dân được biết.

- Thông tin trên đài Truyền thanh xã về địa giới hành chính, điều kiện tự nhiên, giới thiệu về văn hóa, di tích lịch sử, danh thắng, quảng bá đặc sản cây ăn quả, thể mạnh của xã đến nhân dân.

- Đã tổ chức thông tin về các hoạt động của xã, thông tin tuyên truyền phổ biến pháp luật trên hệ thống đài truyền thanh của xã .

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 06 về Truyền thông trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí. **(Đạt)**

## **7. Tiêu chí số 07 (về Nhà ở và công trình phụ trợ)**

a) Yêu cầu của tiêu chí:

7.1. Tỷ lệ nhà ở dân cư đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng

7.3. Các công trình phụ trợ (sân, cổng, ngõ, tường rào, nhà tắm, bể nước, nhà tiêu, nhà bếp) được bố trí thuận tiện sinh hoạt, hợp vệ sinh, bảo đảm mỹ quan.

7.2. Nhà ở có kiến trúc phù hợp phong tục, tập quán đặc trưng của địa phương và nhà ở dân cư phải được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học, thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Qua rà soát và đánh giá theo tiêu chí 3 cứng, niên hạn sử dụng và các nội dung khác của mỗi hộ của từng thôn và đối chiếu với Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; và hướng dẫn tại Công văn số 76/SXD-QLN&TTBĐS ngày 7/2/2017 của Sở Xây dựng về việc Hướng dẫn thực hiện Tiêu chí quy hoạch và Tiêu chí Nhà ở dân cư thuộc Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và Công văn số 1203/SXD-QLNTTBĐS&HTKT ngày 30/9/2019 của Sở Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện và đánh giá tiêu chí số 7 về nhà ở và công trình phụ trợ trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Đồng thời vận dụng, thực hiện các văn bản,

hướng dẫn khác liên quan đến thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới, đã được triển khai tới từng hộ dân.

- Tỷ lệ nhà ở dân cư đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng: Trên địa bàn có 1.074 ngôi nhà, trong đó có 999 nhà ở đạt đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng (*niên hạn sử dụng trên 20 năm, tường cứng, nền cứng, mái cứng, diện tích sử dụng tối thiểu 10m<sup>2</sup>/người, có các công trình đảm bảo nhu cầu sinh hoạt tối thiểu như nhà bếp, nhà vệ sinh, nước sinh hoạt, nhà tắm*) bằng 93 %, còn 75 nhà không đạt chuẩn chiếm 7%; không có nhà tạm, nhà dột nát.

2.2. Trên địa bàn toàn xã có 1.074 ngôi nhà, trong đó có 1.058 Nhà ở có kiến trúc phù hợp phong tục, tập quán đặc trưng của địa phương và nhà ở dân cư phải được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học, thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ bằng 98,51%, còn 16 nhà không đạt bằng 1,49%.

2.3. Trên địa bàn toàn xã có 1.074 ngôi nhà, trong đó có 1.026 nhà có các công trình phụ trợ (sân, công, ngõ, tường rào, nhà tắm, bể nước, nhà tiêu, nhà bếp) được bố trí thuận tiện, sinh hoạt, hợp vệ sinh, bảo đảm mỹ quan bằng 95,53%, còn 48 nhà không đạt bằng 4,47%.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 07 về Nhà ở và công trình phụ trợ trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí. **(Đạt)**

## **8. Tiêu chí số 08 (về Thu nhập)**

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Thu nhập bình quân đầu người đạt 43,06 triệu đồng/người/năm.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 08 về Thu nhập trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí. **(Đạt)**

## **9. Tiêu chí số 09 (về Hộ nghèo)**

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2018-2020  $\leq 6\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 là 51/1074 hộ = 4,75%

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 09 về Hộ nghèo trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí. **(Đạt)**

## **10. Tiêu chí số 10 (về Phát triển sản xuất và hình thức tổ chức sản xuất)**

a) Yêu cầu của tiêu chí:

10.1. Có hợp tác xã hoạt động có hiệu quả, tham gia vào chuỗi liên kết hoặc một khâu trong chuỗi liên kết (sản xuất, tiêu thụ, dịch vụ,...).

10.2. Có mô hình phát triển sản xuất gắn với sản phẩm trọng điểm của địa phương theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, có sự liên kết trong tổ chức sản xuất với doanh nghiệp, hợp tác xã...; sản phẩm trọng điểm được xây dựng nhãn mác, bao bì, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, có định hướng phát triển dịch vụ, du lịch phù hợp...

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

***\* Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012***

Trên địa bàn xã có Hợp tác xã Nông – Lâm Nghiệp thôn Kéo Coong, có trụ sở tại thôn Kéo Coong, xã Tân Văn, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Hợp tác xã thành lập năm 2018 với 12 thành viên, 24 lao động chính, với ngành nghề kinh doanh là trồng cây ăn quả, như Mắc ca, Bưởi, cây chứa dầu như hồi, Sờ, Mắc mật, trồng rừng, chăn nuôi gia súc, gia cầm, vốn điều lệ là 50 triệu. Trong quá trình hoạt động Hợp tác xã đã đảm bảo duy trì các loại hình dịch vụ, loại hình kinh doanh đã đăng ký, có dịch vụ cơ bản thiết yếu theo đặc điểm của xã phục vụ cho thành viên và nhân dân trên địa bàn.

Hợp tác xã cung cấp đầy đủ các văn bản đảm bảo yêu cầu của tiêu chí:

- Có Giấy chứng nhận đăng ký HTX theo luật HTX năm 2012.
- Có Điều lệ HTX.
- Có Báo cáo tài chính của HTX 03: năm 2019, năm 2020 và năm 2021

***\* Xã có mô hình phát triển sản xuất gắn với sản phẩm trọng điểm của địa phương theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, có sự liên kết trong tổ chức sản xuất với doanh nghiệp, Hợp tác xã...; sản phẩm trọng điểm được xây dựng nhãn mác, bao bì đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, có định hướng phát triển dịch vụ, du lịch phù hợp...***

Cây Mắc ca được xác định là một trong những cây chủ lực của xã trong vài năm tới. Tổng diện tích trồng cây Mắc ca trên địa bàn là 14,5 ha hiện đã trồng được 3 năm; trong đó diện tích cho quả tại Hợp Tác xã là 10.000m<sup>2</sup> năng suất đạt từ 2,5 tấn đến 4 tấn quả với giá bán trung bình 80.000đ đến 90.000đ/kg, mỗi năm đem lại thu nhập rất lớn Hợp tác xã cũng như tạo thu nhập cho người dân trên địa bàn. So với cây trồng khác tại xã như lúa, ngô hiệu quả từ cây Mắc ca cao gấp 5 đến 6 lần trồng lúa trồng cây ngô ngoài ra còn trồng thêm cây thanh long với diện tích trên 3 ha sản phẩm đã xây dựng được nhãn mác, bao bì đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, và có tem truy xuất nguồn gốc rõ ràng và đã có ký kết hợp đầu tư cây giống cũng như thu mua theo Hợp đồng số 01/2019/HĐSXTT, ngày 14/11/2019 giữa Hợp Tác xã Nông Lâm Nghiệp thôn Kéo Coong với Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Bắc với giá

theo thị trường tại thường điểm thu mua, Trong đó sản phẩm thanh long đã được cấp mã vạch và giấy chứng nhận VietGap...

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 10 về Phát triển sản xuất và hình thức tổ chức sản xuất trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí. **(Đạt)**

### **11. Tiêu chí số 11 (về Văn hóa, Giáo dục, Y tế)**

a) Yêu cầu của tiêu chí:

#### 11.1. Văn hoá:

- Tỷ lệ thôn, bản được công nhận và giữ vững danh hiệu "Thôn văn hoá" 2 năm trở lên

- Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hoá

- Xã có các câu lạc bộ Văn hoá, văn nghệ, thể thao quần chúng hoạt động có hiệu quả

- Bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc truyền thống có đặc thù riêng.

#### 11.2. Giáo dục:

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 theo quy định hiện hành

- Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3 theo quy định hiện hành

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo

#### 11.3. Y tế:

- Tỷ lệ người tham gia BHYT

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế với số điểm từ 85 điểm trở lên; thực hiện tốt công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch, không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

#### **\* Văn hóa**

- Tỷ lệ thôn, bản được công nhận và giữ vững danh hiệu "Thôn văn hoá" 2 năm trở lên và tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa đạt trên hoặc bằng 90%:

Năm 2021 xã đạt 12/13 khu dân cư văn hóa 2 năm trở lên đạt 92,3%; hộ gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hóa là 1.003 hộ/1.073 hộ đạt tỷ lệ 93,47%.

- Thường xuyên duy trì hoạt động tốt các câu lạc bộ, đội văn nghệ, như: Câu lạc bộ hát then; đội văn nghệ, đội thể thao..

- Các thôn thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, duy trì và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc.

**\* Giáo dục:**

- Nhà trường đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.
- Cấp Tiểu học và trung học cơ sở: Kết quả phổ cập giáo dục và xóa mù chữ đến thời điểm thẩm định.
- Xóa mù chữ: Mức độ 2
- Phổ cập giáo dục tiểu học: Mức độ 3
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 1.923/2.941 người đạt 65,38%

**\* Y tế**

- Xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, đạt số điểm là 90,5/100 điểm; thực hiện tốt công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và gây dịch, không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.

- Thực hiện Quyết định số 861/QĐ-TTg, ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực I, khu vực II, khu vực III thuộc vùng khu vực thiếu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và Quyết định 433/QĐ-UBND, ngày 18/6/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Xã Tân Văn chỉ còn 02 thôn vùng 3, qua quá trình tuyên truyền vận động nhân dân tham gia mua BHYT đạt 3.765/4.096 người tham gia BHYT đạt 91,92%.

Mức độ đạt tiêu chí số 11 về (*Văn hóa, Giáo dục, Y tế*) trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí. (**Đạt**)

**12. Tiêu chí số 12 (về Vệ sinh môi trường)**

a) Yêu cầu của tiêu chí:

12.1. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch.

12.2. Đường làng ngõ xóm thường xuyên được quét dọn, phát quang, vệ sinh sạch sẽ bảo đảm sáng- xanh - sạch - đẹp, phù hợp với bản sắc văn hóa của từng xã. Các thôn trên địa bàn xã phải có quy chế vệ sinh đường làng, ngõ xóm (định kỳ tối thiểu 02 lần/tháng tổ chức làm vệ sinh chung); khuyến khích xây dựng hàng rào cây xanh hoặc xanh hóa tường rào cứng hai bên đường qua các khu dân cư tập trung bằng các loại cây xanh, hoa, cây cảnh phù hợp tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp và thân thiện với môi trường.

12.3. Nước thải sinh hoạt trong các khu dân cư phải có hệ thống xử lý thoát nước đảm bảo vệ sinh, không ô nhiễm môi trường; chất thải rắn thu gom, xử lý đảm bảo theo quy định.

12.4. Rác thải phải được thu gom, phân loại, xử lý ngay từ hộ gia đình đảm bảo không có tình trạng vứt rác nơi công cộng và những nơi trái quy định; 100% hộ gia đình đều có ý thức và tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường.

12.5. Thực hiện hiệu quả các giải pháp, phương án cụ thể về bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

12.6. Tỷ lệ số hộ có vườn được chỉnh trang, cải tạo hợp lý và lựa chọn các loại cây trồng phù hợp để nâng cao giá trị sử dụng đất góp phần làm tăng thu nhập và tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp.

12.7. Tối thiểu 90% chuồng trại chăn nuôi trong khu dân cư được xây dựng đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định, chất thải chăn nuôi phải được xử lý, không xả thải trực tiếp ra môi trường (trường hợp chăn nuôi gia cầm thì phải có khu chăn thả riêng, có hàng rào đảm bảo gia cầm tự không do ra sân, nhà và đường công cộng).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- **Nội dung 12.1.** Hiện trạng cấp nước hộ gia đình trên địa bàn xã (13/13 thôn) có 1074 hộ, số hộ được sử dụng nước cơ bản là giếng khoan; giếng đào; cấp nước tập trung từ các nguồn, bể tập thể; và các loại hình cấp nước khác từ khe, mố đảm bảo hợp vệ sinh đạt 100%. Số hộ được sử dụng nước sạch đạt theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN 02:2009/BYT) đạt 63,4% (tại Thông báo số 224/TB-TTN ngày 30 tháng 11 năm 2021) của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường tỉnh Lạng Sơn.

Có Quyết định số 356/QĐ-UBND, ngày 03/8/2021 của UBND xã về kiện toàn Ban quản lý cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Văn; Quyết định số 371/QĐ-UBND, ngày 12/8/2021 của UBND xã về kiện toàn các tổ quản lý, vận hành các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn xã Tân Văn; Quyết định số 370/QĐ-UBND, ngày 12/8/2021 của UBND xã về việc ban hành quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo vệ các công trình nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn xã Tân Văn.

Có 02 cán bộ có giấy chứng nhận đã tham gia lớp đào tạo, tập huấn quản lý, vận hành công trình cấp nước tập trung. Tiền nước đảm bảo đủ trang trải cho chi phí vận hành và sửa chữa nhỏ. Việc vận hành khai thác chủ yếu tại các thôn thực hiện theo phương thức cộng đồng cùng quản lý và do đồng chí trưởng thôn phụ trách việc theo dõi phân lịch lấy nước, khi có hỏng hóc thì huy động nhân dân đóng góp tiền để mua vật liệu và huy động (ngày công) nhân dân tu sửa. Hiện tại có 02 thôn (thôn Kéo Coong, Nà Vược) là thực hiện giao cho 01 người quản lý và có thu 30.000đ/hộ/năm để duy tu sửa chữa, điều tiết nước; mức độ bền vững công trình cấp nước tập trung trên địa bàn xã được đánh giá là đảm bảo phục vụ cho người dân.

- **Nội dung 12.2.** Đối với đường làng ngõ xóm: Có 90 tuyến đường làng, ngõ xóm đã được bê tông hóa đảm bảo không lầy lội khi có mưa, thường xuyên được quét dọn, phát quang, vệ sinh sạch sẽ bảo đảm sáng - xanh - sạch - đẹp, phù hợp với bản sắc văn hóa của xã, đã bê tông được 46,876km/54,478 đạt 86,3%, số km đường đất là

7,527km chiếm 13,7%. 13/13 thôn gắn quy chế bảo vệ môi trường vào trong quy ước, hương ước chung của thôn, trong đó quy định thường xuyên 02 lần/tháng tổ chức tổng vệ sinh thu gom, xử lý chất thải, phát quang đường làng, ngõ xóm. Đồng thời, giao trách nhiệm cho các hộ gia đình gắn với xét công nhận gia đình văn hóa, trách nhiệm của các Chi hội trong việc duy trì vệ sinh môi trường xanh - sạch - đẹp.

**- Nội dung 12.3.** Đối với hệ thống tiêu thoát nước, xã chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung, tuy nhiên 13/13 thôn đều có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải, không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng trong thời gian dài ngày. Các hộ gia đình có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải, xây dựng bể tự hoại, hố lắng đảm bảo nước thải hộ gia đình không chảy tràn, đổ thải bừa ra đường làng, ngõ xóm, đảm bảo nhu cầu tiêu thoát nước của thôn, xã, đạt tỷ lệ 100%.

Đối với nước thải khu dân cư tập trung: Do điều kiện địa hình tại các thôn còn khó khăn nên chưa có điểm thu gom và xử lý nước thải tập trung, tuy nhiên các hộ gia đình tự xây dựng rãnh hoặc ống để thu gom về một hố chứa nước thải có nắp đậy hoặc rào xung quanh tránh gia súc, gia cầm rơi xuống. Hố chứa xây để tận dụng nước tưới cây khi đã pha loãng hoặc tự thấm. Đối với các gia đình không có bể tự hoại có bố trí hố lắng, xô, vại để chứa nước thải, tận dụng để tưới cây khi đã pha loãng.

Đối với nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh: Các cơ sở đã có các thủ tục quản lý nhà nước về môi trường và trong quá trình sản xuất kinh doanh các cơ sở đã chủ động xử lý chất thải, không để chất thải gây ô nhiễm môi trường. Các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã đều chấp hành tốt công tác Bảo vệ môi trường và không có đơn thư khiếu nại của nhân dân.

Về chất thải rắn như bao bì thuốc bảo vệ thực vật: Toàn xã có 43 bể thu gom vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo, không có tình trạng vỏ phân bón, vỏ thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phụ phẩm nông nghiệp bị vứt, đổ bừa bãi ra môi trường, các khu vực trồng trọt, nguồn nước mương, ao hồ, suối...

Đối với phụ phẩm nông nghiệp: Các hộ gia đình làm nông nghiệp trên địa bàn xã tận dụng triệt để phụ phẩm nông nghiệp: Thực hiện ủ hoai mục để cải tạo đất, làm thức ăn cho gia súc. Không có hiện tượng đốt rơm rạ ngoài đồng ruộng, vứt bừa bãi nơi công cộng, cản trở giao thông, mất mỹ quan.

Đối với chất thải rắn y tế: Đã được Trạm Y tế phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế.

Đối với chất thải nguy hại: các cơ sở sản xuất đã thực hiện lưu giữ xử lý chất thải nguy hại, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn từ hộ gia đình trên địa bàn xã có 13 thôn/1074 hộ, trong đó có 01 thôn Nà Pái gồm có 75 hộ gia đình, cá nhân đã được thu gom theo tuyến đường QL1B mỗi ngày 1 lần để vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt xử lý theo quy định. Còn 999 hộ gia đình, cá nhân/13 thôn được thu gom và xử lý theo hình thức như: dùng cho chăn nuôi gia súc; xử lý bằng cách chôn lấp cùng với phân gia súc trong đất ruộng, vườn để làm phân bón cho nông nghiệp. Không có tình trạng đổ, vứt rác ra đường, ao, sông suối và nơi công cộng.

- **Nội dung 12.4:** Có 1.074/1.074 hộ có ý thức thu gom, xử lý rác thải theo khả năng đảm bảo vệ sinh môi trường như: Rác dễ phân hủy được tận dụng làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, ủ hoai mục làm phân bón, cải tạo đất. Rác thải rắn khó phân hủy được các hộ xử lý bằng hình thức đốt hoặc chôn lấp. Rác thải có khả năng tái sử dụng thì được thu gom bán sắt vụn. Rác thải nguy hại được thu gom tại các bể chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật.

Có 13/13 thôn gắn quy chế bảo vệ môi trường vào trong quy ước, hương ước chung của thôn, trong đó quy định các hộ gia đình, cá nhân phải có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh môi trường, không vứt các loại bao bì, rác thải, xả thải nước sinh hoạt chưa qua xử lý ra nơi công cộng gây ô nhiễm môi trường. 100% hộ gia đình đều có ý thức và tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường.

- **Nội dung 12.5.** Trên địa bàn toàn xã có 1.074 hộ, 100% các hộ thường xuyên được tuyên truyền giữ gìn vệ sinh môi trường. 100% các hộ dân được tuyên truyền, triển khai các giải pháp chủ động phòng chống thiên tai,...có kế hoạch sơ tán, di dời những khu vực dân cư, các hộ dân đang sinh sống ở những nơi tiềm ẩn nguy cơ sạt lở, nguy cơ xảy ra lũ quét, ngập úng ra đến những khu vực an toàn.

- **Nội dung 12.6.** Số hộ trên địa bàn xã đã tích cực chỉnh trang, cải tạo vườn trồng các cây ăn quả, cây cảnh, cây lâu năm để gia tăng thu nhập, phát triển kinh tế hộ gia đình là: 1.074 hộ/1.074 hộ, đạt 99,7%. Đối với các vườn có hàng rào bằng cây đã được người dân thường xuyên cắt tỉa, không vươn ra đường gây cản trở giao thông là 1.071/1.074 đạt 99,7%; có 03 hộ trồng các loài cây thuộc danh mục loài ngoại lai xâm hại theo quy định. Các vườn thường xuyên được cải tạo, phát quang cây cỏ, trồng các loại cây trồng phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương như: Cây bưởi (diễn, da xanh), Ổi, bên cạnh đó các hộ dân còn trồng xen các cây trồng ngắn ngày như: Lạc, đỗ, khoai sọ góp phần làm tăng thu nhập hộ gia đình.

- **Nội dung 12.7.** Trên địa bàn xã Tân Văn có 429 hộ có chuồng trại chăn nuôi, trong đó có 417 hộ có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt theo quy định, chất thải chăn nuôi phải được xử lý, không xả thải trực tiếp ra môi trường (trường hợp chăn nuôi gia cầm thì phải có khu chôn thả riêng, có hàng rào đảm bảo gia cầm không tự do ra sân, nhà và đường công cộng) bằng 97,2%, còn 12 hộ chưa đạt chuẩn chiếm 2,8%.

Mức độ đạt tiêu chí số 12 về Vệ sinh môi trường trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí. **(Đạt)**

### **13. Tiêu chí số 13 (về Khu dân cư kiểu mẫu)**

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Mỗi xã hoàn thành xây dựng tối thiểu 01 khu dân cư.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Năm 2020 xã Tân Văn xây dựng được Khu dân cư kiểu mẫu tại làng Bản Dao, thôn Bản Dao đạt chuẩn theo quy định theo Quyết định số 24/QĐ-UBND, ngày 14/01/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Gia về việc công nhận Khu dân cư làng Bản Dao, thôn Bản Dao, xã Tân Văn, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới Kiểu mẫu năm 2020.

c. Mức độ đạt tiêu chí số 13 về Khu dân cư kiểu mẫu trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí. **(Đạt)**

### **14. Tiêu chí số 14 (về Hệ thống chính trị và An ninh, trật tự xã hội)**

a) Yêu cầu của tiêu chí:

14.1. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ; Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch vững mạnh” và Chính quyền xã đạt tiêu chuẩn Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong hai năm liên tiếp.

14.2. Về cải cách hành chính: Niêm yết công khai đầy đủ các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã.

- 100% thủ tục hành chính được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và 50% thủ tục hành chính được triển khai hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3-4.

- Cung cấp dịch vụ tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các tổ chức, cá nhân đạt từ 100% số hồ sơ trở lên.

14.3. An ninh trật tự đảm bảo, nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, có các mô hình tự quản hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

14.4. Các thôn, bản xây dựng và thực hiện hiệu quả quy ước, hương ước tại cộng đồng, tuyên truyền nâng cao sự hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật cho người dân.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

**\* Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ.**

- Đội ngũ cán bộ, công chức xã Tân Văn được kiện toàn, bố trí đủ các chức danh theo cơ cấu: 19/19 cán bộ đạt chuẩn; 11/11 công chức đạt chuẩn và đáp ứng tiêu chuẩn chung theo quy định tại Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn.

- Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ. Chấp hành tốt nội quy, quy chế của cơ quan và các quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở, văn hóa công sở trong cơ quan; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cá nhân, tổ chức.

- Năm 2021 Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch vững mạnh” và Chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

**\* Thực hiện tốt về cải cách hành chính: Niêm yết công khai đầy đủ các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã.**

- UBND xã tổ chức thực hiện tiếp nhận và giải quyết 100% thủ tục hành chính cấp xã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố quy định thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Thực hiện Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 19/5/2014 của UBND tỉnh Lạng Sơn về triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Quyết định 1694/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn về phê duyệt danh mục 50 thủ tục hành chính triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên công dịch vụ công mức độ 3,4 đối với cấp xã.

- UBND xã Tân Văn đã được triển khai thực hiện tiếp nhận và trả kết quả theo DVBCCL.

- Tổ chức thực hiện giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cho công dân, theo đó TTHC quy định giải quyết trong ngày hoặc thời hạn giải quyết tối đa 03 ngày làm việc đều được UBND xã Tân Văn giải quyết ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ.

**\* An ninh trật tự được đảm bảo, nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, có các mô hình tự quản hoạt động thường xuyên, hiệu quả.**

- Hàng năm phân loại xã về “Phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ” đạt từ loại khá trở lên: Năm 2020, 2021, 100% các thôn, trường học, trạm y tế xã đạt chuẩn về ATTT. UBND xã được UBND huyện công nhận đơn vị đạt chuẩn về ANTT năm 2020,2021.

- Lực lượng Công an xã được xây dựng củng cố ngày càng trong sạch vững mạnh theo quy định của Pháp lệnh Công an xã và hướng dẫn của ngành Công an.

Hàng năm phân loại tập thể Công an xã năm 2020, 2021 đều đạt đơn vị hoàn thành tốt trở lên.

- Thường xuyên làm tốt công tác phòng ngừa, phát hiện đấu tranh ngăn chặn hoạt động phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng, các hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân, các hoạt động tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật, gây rối an ninh trật tự.

- Tham gia xử lý hiệu quả các mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân, Không có điểm nóng, phức tạp bức xúc xảy ra, không có khiếu kiện đông người kéo dài vượt cấp.

**\* Xây dựng và thực hiện hiệu quả quy ước, hương ước tại cộng đồng, tuyên truyền nâng cao sự hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật cho người dân.**

Thực hiện văn bản số 365/SVHTTDL-NSVHGĐ ngày 5/4/2019 của Sở Văn Hóa thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn một số nội dung về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2020 của UBND huyện Bình Gia công nhận 13 bản Quy ước của 13 thôn thuộc xã Tân Văn; UBND xã Tân Văn đã chỉ đạo, hướng dẫn các thôn triển khai thực hiện các nội dung Quy ước đã được công nhận sạch vững mạnh theo quy định của Pháp lệnh Công an xã và hướng dẫn của ngành Công an. Hàng năm phân loại tập thể Công an xã đều đạt đơn vị hoàn thành tốt trở lên.

Việc triển khai thực hiện hương ước, quy ước đã được quan tâm, các hương ước, quy ước sau khi được phê duyệt đã được phổ biến, quán triệt đến cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn bằng các hình thức khác nhau như: photocopy các bản hương ước, quy ước phát đến từng hộ gia đình; qua hội nghị của các ban, ngành, đoàn thể; niêm yết tại UBND cấp xã, nhà văn hóa của thôn; đặc biệt là thông qua các cuộc họp thôn để phổ biến tới từng hộ gia đình triển khai thực hiện...nâng cao sự hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật cho người dân.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 14 về Hệ thống chính trị và An ninh, trật tự xã hội trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí. **(Đạt)**

## **V. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Những mặt đã làm được**

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, sự quan tâm hướng dẫn của các phòng ban chuyên môn, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị xã và đặc biệt là sự ủng hộ, tham gia nhiệt tình của người dân. Với những nội dung đã triển khai và thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn, chương trình đã đem lại những kết quả tích cực cho sự phát triển toàn diện về kinh tế, văn hóa - xã hội cho xã Tân Văn.

Nhận thức của hệ thống chính trị, của người dân trên địa bàn về xây dựng nông thôn mới nâng cao đã được nâng lên một cách rõ rệt từ đó tạo sự đồng thuận của người dân trong việc tham gia vào xây dựng nông thôn mới nâng cao đã và đang làm thay đổi bộ mặt của địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, giáo dục, y tế, an ninh quốc phòng. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên, cảnh quan môi trường được chỉnh trang, vệ sinh môi trường được cải thiện không còn tình trạng vứt rác thải bừa bãi, diện mạo của xã đã dần thay đổi tích cực hơn, cơ sở hạ tầng ngày một được khang trang từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc giao lưu, phát triển kinh tế, văn hóa, các nhu cầu thiết yếu về văn hóa, giáo dục, y tế của người dân được đảm bảo. Sản xuất ngày càng phát triển, an ninh, trật tự được giữ vững, cảnh quan môi trường đang dần thay đổi tích cực.

Với các kết quả đã đạt được, tính đến thời điểm hiện nay xã Tân Văn đạt 14/14 tiêu chí trong bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng Nông thôn mới nâng cao.

## **2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

- Công tác chỉ đạo, lãnh đạo xây dựng nông thôn mới nâng cao còn lung túng, chưa kịp thời trong công tác chỉ đạo, đôn đốc triển khai thực hiện các nội dung trong chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao;

- Xây dựng nông thôn mới là chương trình tổng hợp, toàn diện, khối lượng công việc thực hiện nhiều. Các thành viên trong ban chỉ đạo, ban quản lý xã có phần còn hạn chế về năng lực trình độ, việc nắm bắt nội dung của các tiêu chí còn chung chung vì vậy đã ảnh hưởng không ít tới tiến độ thực hiện;

- Điểm xuất phát thấp, cơ sở hạ tầng chủ yếu mới được đầu tư xây dựng vì vậy những lợi ích thiết thực mà các công trình đem đến cho người dân chưa thực sự nhiều; các tiêu chí tuy đã đạt nhưng vẫn còn ở mức thấp;

- Các hình thức tổ chức sản xuất phát triển chưa nhiều, chất lượng hoạt động nông nghiệp còn thấp so với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Nguồn lao động tuy trẻ và dồi dào nhưng trình độ chưa cao;

- Việc xây dựng và lựa chọn để phát triển các mô hình kinh tế đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân còn nhiều lúng túng, các mô hình lựa chọn chưa thực sự mang tính tập trung mà còn dàn trải, nhỏ lẻ;

- Điều kiện kinh tế, thu nhập của nhân dân còn khó khăn nên việc huy động các nguồn lực tài chính hạn chế;

- Một bộ phận nhân dân chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, ý nghĩa, nội dung của chương trình MTQG xây dựng NTM nâng cao, vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nhà nước.

## **3. Bài học kinh nghiệm**

Cần làm tốt công tác tuyên truyền, vận động phát huy tính chủ động và sáng tạo của người dân. Nghiêm túc thực hiện các nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch,

thực sự quan tâm tới lợi ích thiết thực của nhân dân trong việc quyết định lựa chọn nội dung để triển khai thực hiện.

Phải có cách làm chủ động, sáng tạo, phù hợp với điều kiện và yêu cầu bức thiết của người dân ở địa phương; phát huy cao các nguồn lực tại chỗ; lồng ghép các chương trình, dự án; lựa chọn, tập trung hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên tạo ra sự chuyên biến thực tế trên diện rộng, tạo niềm tin vào Chương trình. Có giải pháp phù hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; làm tốt công tác thi đua, khen thưởng để động viên kịp thời các thôn làm tốt, các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho Chương trình.

Cần có sự tập trung chỉ đạo cụ thể, liên tục, đồng bộ và huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị. Các thành viên được phân công phụ trách phải nhận thức rõ vị trí, trách nhiệm của mình. Đặc biệt phải phát huy được vai trò của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành.

Các thành viên trong ban chỉ đạo, ban quản lý, cán bộ, công chức xã phải nắm vững các nội dung triển khai trong chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao từ đó nghiêm túc thực hiện và triển khai tới người dân trên địa bàn.

## **VI. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

### **1. Quan điểm**

- Xây dựng nông thôn mới nâng cao là một chủ trương lớn, là sự nghiệp của toàn Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc trên địa bàn, với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; vừa là nhiệm vụ cấp bách, vừa là nhiệm vụ chiến lược lâu dài, phải kiên trì, bền bỉ, sáng tạo, quyết tâm cao trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện;

- Xây dựng nông thôn mới nâng cao là cuộc vận động rộng rãi, thu hút các nguồn lực trong toàn xã hội cùng tham gia. Trong đó cấp ủy đảng và chính quyền đóng vai trò lãnh đạo, điều hành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể có nhiệm vụ tuyên truyền, vận động, nhân dân là chủ thể, nông thôn là địa bàn và nhà nước giữ vai trò hỗ trợ, định hướng;

- Xây dựng nông thôn mới nâng cao cần được tiến hành đồng loạt ở tất cả các lĩnh vực, các thôn trên địa bàn xã; thực hiện lồng ghép chương trình xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án, các phòng trào, các cuộc vận động.

### **2. Mục tiêu**

Tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới nâng cao trong những năm tiếp theo với mục tiêu nhằm phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, từng bước phấn đấu xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

### **3. Nội dung nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới nâng cao**

*a) Phát triển hạ tầng kinh tế- xã hội*

Đảm bảo giữ vững và không ngừng nâng cao chất lượng các tiêu chí trong bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới nâng cao. Với các nội dung thực hiện cụ thể như sau:

- Tiếp tục nâng cấp các tuyến đường trục thôn, ngõ xóm nâng tỷ lệ và chất lượng các cầu, tuyến đường được bê tông hóa trên địa bàn.

- Đẩy mạnh công tác quản lý và duy tu sửa hệ thống hồ đập, nạo vét và kiên cố hóa các tuyến mương; Thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hằng năm;

- Phối hợp với ngành điện quản lý các hệ thống điện được đầu tư, đảm bảo vận hành an toàn, sử dụng tiết kiệm điện.

- Giữ vững và nâng cao chất lượng trường chuẩn quốc gia, đảm bảo đạt chuẩn về cơ sở vật chất cho các trường Mầm non, trường Tiểu học, trường THCS. Không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học của các trường;

- Tiếp tục trang bị các trang thiết bị cho nhà văn hóa xã, các thôn; hoàn thiện các khu thể thao xã, các thôn;

- Tiếp tục nâng cấp hệ thống đài truyền thanh của xã, đảm bảo 13/13 thôn có loa truyền thanh.

- Nâng cao tỷ lệ các hộ gia đình có nhà đạt chuẩn và chất lượng nhà ở trên địa bàn;

*c) Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân*

Đảm bảo giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí 10 trong bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng NTM nâng cao. Triển khai có hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ vào trong sản xuất nông; tiếp tục thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn; Khuyến khích phát triển, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực tại địa phương.

*d) Giảm nghèo và an sinh xã hội*

Thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo kế hoạch.

*e) Phát triển giáo dục*

Không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục, đảm bảo không để xảy ra tình trạng trẻ em không được đến trường, bỏ học giữa chừng. Nâng cao chất lượng dạy nghề cho người lao động tại địa phương, nâng cao chất lượng theo chỉ tiêu 11.2. về giáo dục.

*g) Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho người dân nông thôn* Tiếp tục nâng cao chất lượng y tế tại cơ sở, đẩy mạnh công tác tuyên

truyền vận động người dân tham gia mua bảo hiểm y tế, giảm tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng thấp còi. Từ đó nâng cao chất lượng chỉ tiêu 11.3 về y tế.

*h) Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn*

Đẩy mạnh tuyên truyền vận động người dân tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; tích cực xây dựng nếp sống lành mạnh, văn minh; đảm bảo giữ vững và nâng cao chất lượng về văn hóa.

*i) Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường, tiêu chí số 12*

Tuyên truyền, vận động người dân nâng cao ý thức trong công tác bảo vệ môi trường, giữ gìn và xây dựng cảnh quan tại các hộ gia đình, khu dân cư xanh - sạch - đẹp, không thực hiện các hoạt động gây suy giảm chất lượng, ô nhiễm môi trường. Khuyến khích, vận động người dân trong việc áp dụng các biện pháp khoa học công nghệ trong việc thu gom và xử lý các chất thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi như: xây dựng các hầm biogas, sử dụng các lớp đệm sinh học, thu gom và xử lý rác thải đúng cách. Quản lý chặt chẽ và yêu cầu các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn xã đảm bảo thực hiện đúng các thủ tục, quy định của pháp luật về tất cả các mặt đặc biệt là các quy định về an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường.

*k) Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.*

Nâng cao chất lượng về trình độ chuyên môn cũng như các kỹ năng, kiến thức lý luận chính trị, quản lý nhà nước cho đội ngũ cán bộ, công chức xã; Thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới theo phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; Cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; Thực hiện tốt công tác phổ biến pháp luật, bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.

Thực hiện tốt các nhiệm vụ theo chuyên môn và phân công nhiệm vụ của cấp trên trong lĩnh vực an ninh quốc phòng; Kiểm chế, không để phát sinh các tệ nạn xã hội trên địa bàn, đảm bảo an ninh trật tự được giữ vững.

Trên đây là báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao của xã Tân Văn, huyện Bình Gia./.

**Nơi nhận:**

- UBND huyện;
- Văn phòng Điều phối NTM huyện;
- TT ĐU, HĐND xã;
- CT, PCT UNND xã;
- MTTQ, các Đoàn thể nhân dân;
- Lưu: VT, NL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nông Duy Nghĩa**

**BỘ TIÊU CHÍ**  
**XÂY DỰNG XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**  
**GIẢI ĐOẠN 2018-2020**

**Xã Tân Văn, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn**

(Kèm theo Báo cáo số: 127/BC-UBND ngày 28/02/2022 của UBND xã Tân Văn)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chí đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
1	<b>Đường giao thông</b>	1.1. Hệ thống đường giao thông trên địa bàn xã được giao quản lý cụ thể, được duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp theo quy định.	100%	Đạt 100%	Đạt
		1.2. Đường trục thôn, xóm:	Đạt	Đạt	Đạt
		- Tỷ lệ km được cứng hóa mặt đường đạt quy định của Bộ Giao thông vận tải	≥ 80%	1,57/1,57km=100% Đạt	
		- Có rãnh thoát nước hai bên đường hoặc đảm bảo thoát nước tốt vào mùa mưa, không ứ đọng	≥ 90%	Đạt	
		- Có biển báo giao thông đầu các trục thôn (biển báo hạn chế tải trọng xe, biển chỉ dẫn...).	Đạt	Đạt	
		1.3. Đường ngõ, xóm:	Đạt	Đạt	Đạt
		- Tỷ lệ km được cứng hóa mặt đường (mặt đường tối thiểu 2,0m; trừ trường hợp bất khả kháng mặt đường rộng 1,0m).	≥ 75%	46,876/54,478 km=86,3% Đạt	
		- Có rãnh thoát nước mặt đường hoặc đảm bảo thoát nước tốt, không lầy lội vào mùa mưa	Đạt	Đạt	
2	<b>Nhà văn hóa, Khu thể thao</b>	2.1. Nhà văn hóa, khu thể thao xã	Đạt	Đạt	Đạt
		- Nhà văn hóa, hội trường xã: Có các phòng chức năng theo quy định và phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ được tổ chức theo quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL, ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.	Đạt	Đạt	Đạt

		- Khu thể thao: Được xây dựng theo quy định (tối thiểu phải có sân bóng đá 07 người với diện tích từ 45m x 60m theo tiêu chuẩn, tuy nhiên vẫn phải có quy hoạch sân bóng đá 90m x 120m theo tiêu chuẩn) và có một số dụng cụ thể dục, thể thao đảm bảo theo công trình thể dục thể thao và các môn thể thao của từng địa phương. Các hoạt động thể dục, thể thao phải đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL, ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.	Đạt	Đạt	Đạt
		- Có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi (có thể xây dựng riêng hoặc bố trí kết hợp). Có hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi đạt 30% thời gian hoạt động.	Đạt	Đạt	Đạt
		2.2. Nhà văn hóa và sân thể thao thôn	Đạt	Đạt	Đạt
		- Nhà văn hóa thôn: Có đầy đủ trang thiết bị nhà văn hoá theo quy định. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ thu hút 30% trở lên/tổng số dân tham gia; hoạt động văn hóa vui chơi, giải trí phục vụ trẻ em đạt 30% thời gian hoạt động	Đạt	Đạt	Đạt
		- Có sân thể thao đơn giản (từ 200m <sup>2</sup> trở lên) và có các dụng cụ thể thao tối thiểu phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương; thu hút 15% trở lên/tổng số dân tham gia hoạt động thể dục thể thao.	Đạt	Đạt	Đạt
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp sau khi chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp được tưới tiêu chủ động bởi công trình thủy lợi.	≥ 90%	112,6/119ha= 94,62% Đạt	Đạt
		3.2. Có mô hình áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trong sản xuất phát triển các loại cây trồng có giá trị cao phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới	≥ 01 mô hình	02 mô hình Đạt	Đạt

		3.3. Các đơn vị sử dụng nước (UBND cấp xã, HTX, THT,...) xây dựng kế hoạch tổ chức quản lý, khai thác, vận hành công trình thủy lợi, có kế hoạch phân phối, điều tiết nước đảm bảo cấp nước tiết kiệm, kịp thời và hiệu quả.	Đạt	Đạt	Đạt
4	Hệ thống điện	4.1. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện, có sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện	100%	1074/1074 hộ = 100% Đạt	Đạt
		4.2. Đường giao thông đi qua khu dân cư tập trung có điện chiếu sáng	≥ 50%	22/25 khu=88% Đạt	Đạt
5	Trường học	Trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.	100%	Đạt	Đạt
6	Truyền thông	6.1. Đài truyền thanh xã:	Đạt	Đạt	Đạt
		- Đài truyền thanh xã và hệ thống loa truyền thanh tại các thôn hoạt động hiệu quả, ổn định, đảm bảo thời gian hoạt động tối thiểu 2h/ngày, trong đó có thời lượng dành cho phát sóng các nội dung thông tin, tuyên truyền từ chính quyền cấp xã.			
		- Đảm bảo 75% hộ dân nghe được thông tin từ hệ thống loa hoạt động.	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Xã có Trang thông tin điện tử của xã hoặc Trang thông tin điện tử thành phần trên cổng/trang thông tin điện tử của huyện cung cấp tối thiểu các thông tin:			
		- Tổ chức bộ máy hành chính, thông tin liên hệ của cán bộ, công chức.			
		- Thông tin địa giới hành chính, điều kiện tự nhiên, văn hóa, di tích, danh thắng, quảng bá tiềm năng, thế mạnh của xã.			
- Tin tức hoạt động của xã.					
- Thông tin tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật.					
7	Nhà ở và công trình	7.1. Tỷ lệ nhà ở dân cư đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng	≥ 90%	999/1074 hộ=93% Đạt	Đạt

	<b>phụ trợ</b>	7.2. Nhà ở có kiến trúc phù hợp phong tục, tập quán đặc trưng của địa phương và nhà ở dân cư phải được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học, thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ.	Đạt	Đạt	Đạt
		7.3. Các công trình phụ trợ (sân, cổng, ngõ, tường rào, nhà tắm, bể nước, nhà tiêu, nhà bếp) được bố trí thuận tiện sinh hoạt, hợp vệ sinh, bảo đảm mỹ quan.	Đạt	Đạt	Đạt
<b>8</b>	<b>Thu nhập</b>	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	2021: 43 Tr	43,06Tr	Đạt
<b>9</b>	<b>Hộ nghèo</b>	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2018-2020	≤ 6%	51/1074 hộ =4,75% Đạt	Đạt
<b>10</b>	<b>Phát triển sản xuất và hình thức tổ chức sản xuất</b>	10.1. Có hợp tác xã hoạt động có hiệu quả, tham gia vào chuỗi liên kết hoặc một khâu trong chuỗi liên kết (sản xuất, tiêu thụ, dịch vụ,...).	Đạt	Đạt	Đạt
		10.2. Có mô hình phát triển sản xuất gắn với sản phẩm trọng điểm của địa phương theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, có sự liên kết trong tổ chức sản xuất với doanh nghiệp, hợp tác xã...; sản phẩm trọng điểm được xây dựng nhãn mác, bao bì, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, có định hướng phát triển dịch vụ, du lịch phù hợp...	Đạt	Đạt	Đạt
<b>11</b>	<b>Văn hóa, Giáo dục, Y tế</b>	11.1. Văn hoá:			
		- Tỷ lệ thôn, bản được công nhận và giữ vững danh hiệu "Thôn văn hoá" 2 năm trở lên	≥ 90%	(12/13 thôn) = 92,3%	Đạt
		- Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hoá	≥ 90%	1003/1074 hộ =93,38%	Đạt
		- Xã có các câu lạc bộ Văn hoá, văn nghệ, thể thao quần chúng hoạt động có hiệu quả	Đạt		
		- Bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc truyền thống có đặc thù riêng.	Đạt	Đạt	Đạt
		11.2. Giáo dục:	Đạt	Đạt	Đạt

		- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 theo quy định hiện hành	Đạt	Đạt	Đạt
		- Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3 theo quy định hiện hành	Đạt	Đạt	Đạt
		- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥ 65%	1.923/2.941 người= 65,38% Đạt	Đạt
		11.3. Y tế:			
		- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế với số điểm từ 85 điểm trở lên; thực hiện tốt công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch, không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người	Đạt	(90,5 điểm) Đạt	Đạt
		- Tỷ lệ người tham gia BHYT	≥ 90 %	3.765/4.096 người=91,92% Đạt	Đạt
12	Vệ sinh môi trường	12.1. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	- Nước hợp vệ sinh ≥ 95%	Đạt 100%	Đạt
			- Nước sạch	Đạt	Đạt
			≥ 55%	Đạt 63,4%	Đạt
		12.2. Đường làng ngõ xóm thường xuyên được quét dọn, phát quang, vệ sinh sạch sẽ bảo đảm sáng- xanh - sạch - đẹp, phù hợp với bản sắc văn hóa của từng xã. Các thôn trên địa bàn xã phải có quy chế vệ sinh đường làng, ngõ xóm (định kỳ tối thiểu 02 lần/tháng tổ chức làm vệ sinh chung); khuyến khích xây dựng hàng rào cây xanh hoặc xanh hóa tường rào cứng hai bên đường qua các khu dân cư tập trung bằng các loại cây xanh, hoa, cây cảnh phù hợp tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp và thân thiện với môi trường.	Đạt	Đạt	Đạt

		12.3. Nước thải sinh hoạt trong các khu dân cư phải có hệ thống xử lý thoát nước đảm bảo vệ sinh, không ô nhiễm môi trường; chất thải rắn thu gom, xử lý đảm bảo theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt
		12.4. Rác thải phải được thu gom, phân loại, xử lý ngay từ hộ gia đình đảm bảo không có tình trạng vứt rác nơi công cộng và những nơi trái quy định; 100% hộ gia đình đều có ý thức và tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường	Đạt	Đạt	Đạt
		12.5. Thực hiện hiệu quả các giải pháp, phương án cụ thể về bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu	Đạt	Đạt	Đạt
		12.6. Tỷ lệ số hộ có vườn được chỉnh trang, cải tạo hợp lý và lựa chọn các loại cây trồng phù hợp để nâng cao giá trị sử dụng đất góp phần làm tăng thu nhập và tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp	$\geq 70\%$	1071/1074 hộ=99,7% Đạt	Đạt
		12.7. Tối thiểu 90% chuồng trại chăn nuôi trong khu dân cư được xây dựng đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định, chất thải chăn nuôi phải được xử lý, không xả thải trực tiếp ra môi trường (trường hợp chăn nuôi gia cầm thì phải có khu chôn thả riêng, có hàng rào đảm bảo gia cầm tự không do ra sân, nhà và đường công cộng).	Đạt	417/4429 hộ có chuồng trại chăn nuôi =97,2% Đạt	Đạt
13	<b>Khu dân cư kiểu mẫu</b>	Mỗi xã hoàn thành xây dựng tối thiểu 01 khu dân cư	Đạt	Đạt 01 khu dân cư	Đạt
14	<b>Hệ thống chính trị và An ninh, trật tự xã hội</b>	14.1. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ; Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch vững mạnh” và Chính quyền xã đạt tiêu chuẩn Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong hai năm liên tiếp	Đạt	Đạt	Đạt

	14.2. Về cải cách hành chính: Niêm yết công khai đầy đủ các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã.			
	- 100% thủ tục hành chính được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và 50% thủ tục hành chính được triển khai hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3-4.	Đạt	Đạt	Đạt
	- Cung cấp dịch vụ tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.			
	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các tổ chức, cá nhân đạt từ 100% số hồ sơ trở lên.			
	14.3. An ninh trật tự đảm bảo, nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, có các mô hình tự quản hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt	Đạt	Đạt
	14.4. Các thôn, bản xây dựng và thực hiện hiệu quả quy ước, hương ước tại cộng đồng, tuyên truyền nâng cao sự hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật cho người dân.	Đạt	Đạt	Đạt